

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04/4/2019

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Châm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tám

Ông Nguyễn Văn Hải

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Đinh Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà:
Bà Trịnh Thị Hạnh – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 1154/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/12/2018 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXX ngày 20 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Đình X, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: số.... đường..., phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Bị đơn: Bà Trần Thị TT, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: số.... đường..., phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2018 và quá trình tố tụng tại Tòa, ông Trần Đình X trình bày:

Ông và bà Trần Thị TT tự nguyện tìm hiểu, kết hôn năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 12, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ngày 25/10/2004. Do vợ chồng có nhiều điểm khác biệt về tính cách nên từ lâu không khí gia đình rất căng thẳng, nặng nề vì vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn quan tâm chia sẻ tình cảm với nhau. Mâu thuẫn thực sự nghiêm trọng là vào khoảng tháng 8/2018 (âm lịch) khi ông đi chơi cùng bạn thì bà TT cho rằng ông ngoại tình nên đã xô xát với bạn ông, đồng thời báo với gia đình hai bên can thiệp khiến ông không còn sự tôn trọng đối với bà TT.

Từ đó tới nay ông và bà TT đã sống ly thân để cùng có thời gian suy nghĩ kỹ về hôn nhân của mình. Hiện tại, ông cảm thấy hôn nhân của không còn hạnh phúc, hai người chung sống trên danh nghĩa nhưng không còn sự tôn trọng nhau, không còn yêu thương, chia sẻ quan tâm đến cuộc sống của nhau nên ông yêu cầu Tòa giải quyết cho ông ly hôn với bà Trần Thị TT.

- Về con chung: Ông và bà TT có 02 con chung là Trần Đình H, sinh ngày 07/6/2006 và Trần Đình N sinh ngày 08/8/2014. Ông đồng ý cho bà TT được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung, ông cấp dưỡng mỗi con 2.000.000 đồng/01 tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

** Tại Bản tự khai, Biên bản lời khai, Biên bản hòa giải bị đơn bà Trần Thị TT trình bày:*

Bà và ông X chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 12, Tp.Vũng Tàu năm 2004. Vợ chồng bà chung sống trong thời gian dài không có mâu thuẫn quá nghiêm trọng. Tới ngày 03/8/2018 (âm lịch) bà phát hiện ông X có quan hệ, chung sống với người phụ nữ khác. Do muốn giữ hạnh phúc gia đình nên bà đã báo với gia đình hai bên để mọi người can thiệp và vì lý do này nên ông X cho rằng bị bà làm mất sĩ diện và kiên quyết yêu cầu ly hôn. Bà và ông X đã ly thân từ ngày 03/8/2018 (âm lịch) tới nay. Bà không đồng ý ly hôn với ông X vì vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, bản thân bà vẫn còn yêu thương ông X, các con còn quá nhỏ cần có sự chăm sóc dạy dỗ của cả bố và mẹ nên bà đề nghị Tòa không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông X đối với bà.

Trường hợp ông X vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung của bà và ông X là Trần Đình H sinh ngày 07/6/2006; Trần Đình N, sinh ngày 08/8/2014. Công việc kinh doanh xe máy cũ trước đây do ông X đảm đương bà chỉ là người phụ. Nay ông X tách ra nên bà chưa quen việc dẫn tới việc kinh doanh chưa ổn vì vậy bà mong ông X phụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/1 tháng/1 người con.

Bà và ông X đã tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên Tòa:

Ý kiến của ông X: Giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị TT vì cho rằng vợ chồng đã không còn tình cảm, không còn sự tôn trọng, yêu thương nhau. Ông đồng ý để bà TT nuôi cả 02 con vì muốn các con được ở gần nhau để tránh xáo trộn tâm lý của các con. Ông cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/1 tháng/1 người con.

Ý kiến của bà TT: Bà và ông X không thể cùng quay về chung sống vì ông X đã kiên quyết ly hôn, bà đã rất nhiều lần níu kéo nhưng không thành. Tuy nhiên, bà không đồng ý ly hôn vì các con còn quá nhỏ, còn cần sự chăm sóc của bố, mẹ. Trường hợp ông X kiên quyết ly hôn, bà nhận nuôi 02 con chung, đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/1 tháng/1 người con do ông X đưa ra.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do bà TT xác định vợ chồng không thể cùng quay về chung sống, ông X vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận

yêu cầu ly hôn của ông X. Về con chung; Tài sản chung; nợ chung; cấp dưỡng nuôi con các đương sự đã tự thỏa thuận được nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Đình X yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị TT có địa chỉ cư trú tại Vũng Tàu do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Ông Trần Đình X và bà Trần Thị TT tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo xác minh tại địa phương ông X và bà TT đã không còn chung sống. Tại phiên Tòa, bà TT cũng đã thừa nhận vợ chồng không thể quay về chung sống vì ông X đã hết tình cảm với bà. Bà chỉ không muốn ly hôn vì con chung giữa bà và ông X chưa trưởng thành, cần có bố mẹ quan tâm chăm sóc.

Tại khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: *“Sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan”*

Hội đồng xét xử xét thấy cả ông X và bà TT đều xác định khả năng đoàn tụ của hai người là không còn nên bà TT cho rằng không ly hôn để con có bố mẹ chăm sóc là không có căn cứ. Hôn nhân giữa ông X và bà TT đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Đình X với bà Trần Thị TT.

[2.2]. Về con chung: Ông X và bà TT có 02 con chung là Trần Đình Hiếu sinh ngày 07/6/2006; Trần Đình Nghĩa, sinh ngày 08/8/2014. Theo thỏa thuận của đương sự và nguyện vọng của các con, bà TT được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hiếu và cháu Nghĩa.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông X, bà TT về mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/1 tháng/1 người con.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà TT và ông X không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ông Trần Đình X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28; Điều 35; Điều 39, Điều 275 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 19; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83;
Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày
30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đình X ly hôn bà Trần Thị TT

[2]. Về con chung: Bà TT được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nuôi
dưỡng 02 con chung của bà TT và ông X là Trần Đình H sinh ngày 07/6/2006; Trần
Đình N, sinh ngày 08/8/2014.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Đình X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con
2.000.000đ (Hai triệu đồng)/1 người con/1 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông X có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Trên
cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được
quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc
thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi
thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu
khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2
Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông X, bà TT không yêu cầu xem xét nên
Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí:

[5.1]. Án phí HNST: Ông Trần Đình X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn
đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã
nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số. 0006328 ngày 29/11/2018 Chi cục Thi
hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Ông X đã nộp đủ án phí hôn nhân.

[5.2]. Án phí về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Đình X phải chịu 300.000đ

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời
hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo
thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi
hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có
quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc
bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 Luật Thi hành
án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30
Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự Tp. Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân phường 12, Tp.Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Thị Châm